

Số: 02/2025/QĐST- KDTM

Ninh Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: số B, L, quận B (nay là số B L, phường G), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Tống Minh T - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh T2 (theo văn bản ủy quyền số 22/GUQ-NHNo.TĐ-TH ngày 20/5/2025)

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995; số CCCD: 037195003811, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH và anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; số CCCD: 037088004679, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH;

Cùng địa chỉ: Số nhà B, đường T, tổ E, phường T (nay là Số nhà B, đường T, tổ E, phường Y), tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1963; số CCCD: 037063001240, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH và bà Đặng Thị Y, sinh năm 1961; số CCCD: 037161001147, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH;

Cùng địa chỉ: Số nhà B, đường T, tổ E, phường T (nay là Số nhà B, đường T, tổ E, phường Y), tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả tiền:

Ngân hàng N, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Xuân B, bà Đặng Thị Y thống nhất: anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng N tạm tính đến hết ngày 22/8/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 01) ngày 21/06/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 02) ngày 14/11/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 03) ngày 14/11/2024 và Báo cáo đề xuất kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.01980 ngày 17/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-202400.1981 ngày 17/7/2024, Báo cáo đề giải ngân xuất kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.02131 ngày 30/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.02130 ngày 30/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-202400.3935 ngày 27/12/2024 với số tiền là: 7.762.327.400 đồng (bảy tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng), trong đó:

- Tiền gốc là: 7.125.000.000 đồng (bảy tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng),
- Tiền lãi là 637.327.400 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng), bao gồm:
 - + Tiền lãi trong hạn là: 226.340.753 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng);
 - + Tiền lãi đối với số tiền lãi trong hạn chậm trả là: 12.952.914 đồng (mười hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm mười bốn đồng);
 - + Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là: 398.033.733 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu không trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Về phương án trả tiền:

Ngân hàng N, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Xuân B, bà Đặng Thị Y thống nhất: anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng N theo các phân kỳ trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 22/9/2025, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến ngày 22/10/2025, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến ngày 22/11/2025, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến ngày 22/12/2025, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến ngày 22/01/2026, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến ngày 22/02/2026, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 1.125.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi là 637.327.400 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/8/2025 đến hết ngày 22/02/2026.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ của bất cứ một phân kỳ trả nợ nào, Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản thế chấp của anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Y theo các hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/TB-010721 ngày 01/07/2021 kèm theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/HĐSĐBS ngày 20/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/011222 ngày 02/12/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/021222 ngày 02/12/2022 để trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 01) ngày 21/06/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 02) ngày 14/11/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-202400182 ngày 02/02/2024 (số 03) ngày 14/11/2024 và Báo cáo đề xuất kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.01980 ngày 17/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-202400.1981 ngày 17/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.02131 ngày 30/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-2024.02130 ngày 30/7/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3304-LDS-202400.3935 ngày 27/12/2024. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay thì chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay.

Kể từ ngày 23/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Q phải nộp 57.881.164 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.812.000 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: 0000557 ngày 25/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Ninh Bình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh